|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**KINH NGHIỆM QUỐC TẾ PHỤC VỤ XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Việc hội nhập kinh tế quốc tế và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giá và thẩm định giá là việc làm cần thiết để phát triển kinh tế-xã hội và phát triển nghề thẩm định giá tại Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã chính thức gia nhập Tổ chức thương mại thế giới – WTO từ năm 2006, tham gia các hiệp định tự do thương mại FTA trong khu vực và thế giới theo các hình thức song phương và đa phương; cũng như việc Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội thẩm định giá các nước ASEAN (AVA) và Hội đồng Tiêu chuẩn Thẩm định giá quốc tế - IVSC. Qua đó, để nâng cao hiệu quả công tác quản lý giá và thẩm định giá cũng như hiệu quả công tác hội nhập kinh tế quốc tế đã đặt ra yêu cầu rà soát, đánh giá và đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật về giá để bảo đảm ngày càng phù hợp và tiếp cận với các yêu cầu trong các thỏa thuận và điều ước quốc tế.

Đồng thời thông qua việc khảo sát, thu thập, đánh giá về công tác quản lý, điều hành giá của một số quốc gia trên thế giới cho thấy hầu hết giá cả các hàng hóa dịch vụ đều vận động theo cơ chế giá thị trường; Chỉ có một số ít giá hàng hóa dịch vụ có sự quản lý điều tiết của Nhà nước, chủ yếu là các mặt hàng quan trọng thiết yếu như giá điện, giá xăng dầu, giá khí, sản phẩm dịch vụ công ích... với nguyên tắc đầu tiên là bù đắp được các chi phí thực tế phát sinh và mức lợi nhuận phù hợp; Nhà nước sẽ không bù lỗ và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Nhà nước thực hiện công tác quản lý giá tại các mức độ nhất định thông qua các biện pháp kinh tế vĩ mô (tài chính, tiền tệ, đầu tư, xuất nhập khẩu…) cũng như chính sách pháp luật về giá.

1. **Rà soát với các cam kết, thỏa thuận quốc tế**
2. **Cam kết khi tham gia WTO**

Đối với chính sách giá khi gia nhập WTO đã cam kết thực hiện chính sách quản lý giá theo hướng tăng cường tính tự chủ và quyền tự định giá của doanh nghiệp căn cứ trên cơ sở nguyên tắc thị trường; Việt Nam sẽ tiếp tục duy trì việc công bố danh mục các hàng hóa và dịch vụ chịu sự kiểm soát giá của Nhà nước cũng như bất kỳ thay đổi nào đối với danh mục sau khi gia nhập WTO.

Theo định kỳ, Bộ Tài chính đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tham gia báo cáo Rà soát chính sách thương mại trong khuôn khổ WTO và trả lời các câu hỏi có liên quan khi có yêu cầu. Đánh giá chung về việc thực hiện các cam kết như sau:

**1.1. Đối với lĩnh vực quản lý, điều hành giá**

Sau khi Luật Giá số 11/2012/QH13 được ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2013, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật giá được các cấp có thẩm quyền xây dựng, hoàn thiện và được ban hành theo hướng quy định rõ quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, của người tiêu dùng trong lĩnh vực giá. Nguyên tắc quản lý giá là Nhà nước tôn trọng quyền tự định giá và cạnh tranh về giá của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động, sản xuất kinh doanh tại Việt Nam (trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác) theo đúng pháp luật. Doanh nghiệp được quyền quyết định giá bán hàng hóa, dịch vụ sản xuất ra phù hợp với đặc điểm kinh doanh của đơn vị mình, phù hợp với giá cả trên thị trường, Nhà nước không can thiệp vào việc định giá bán hàng hóa, dịch vụ, trừ hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục do Nhà nước định giá.Nhà nước sử dụng các biện pháp cần thiết (chủ yếu là các biện pháp kinh tế, điều hòa cung cầu, tài chính, tiền tệ…) theo quy định của pháp luật để bình ổn giá. Từ đó, góp phần hữu hiệu vào bình ổn giá thị trường, ổn định kinh tế vĩ mô; khắc phục những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng và ổn định đời sống nhân dân. Nhà nước thực hiện chủ trương xóa bao cấp qua giá như: Trợ giá, bù lỗ, hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước và thực hiện chính sách một giá là giá thị trường.

Đối với một số ít hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực độc quyền Nhà nước sản xuất, kinh doanh; hàng dự trữ quốc gia; sản phẩm, dịch vụ công ích và dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Ngân sách nhà nước, Nhà nước thực hiện can thiệp trực tiếp vào giá cả ở mức độ nhất định thông qua hình thức định giá như xác định mức giá cụ thể hoặc khung giá, mức giá tối đa hoặc mức giá tối thiểu. Thực hiện công khai thông tin về giá, quán triệt thực hiện công khai minh bạch trong quản lý, điều hành giá và kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ quan trọng thiết yếu đối với đời sống kinh tế, xã hội.

***Đánh giá:*** Chính sách quản lý và điều hành giá hiện hành của Việt Nam theo quy định của Luật giá hoàn toàn tuân thủ các quy định của WTO, phù hợp với các nguyên tắc thị trường và định hướng phát triển kinh tế thị trường dài hạn của Việt Nam.

**1.2. Đối với lĩnh vực thẩm định giá**

Kể từ ngày 01/01/2013 khi Luật giá có hiệu lực cùng với hệ thống các văn bản hướng dẫn về thẩm định giá tương đối hoàn thiện, nghề thẩm định giá Việt Nam đánh dấu một bước chuyển mình trong hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định mang tính chuyên nghiệp, minh bạch và phát triển mạnh mẽ.

Qua quá trình hoạt động, doanh nghiệp thẩm định giá đã góp phần tích cực vào việc xác định giá trị đất đai, tài nguyên, tài sản làm căn cứ để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, dự án đầu tư trong nước, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, dự toán cấp phát kinh phí mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước,... Ngoài ra, việc cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định giá của các doanh nghiệp đã và đang góp phần xác định đúng giá trị thị trường của tài sản, phục vụ cho việc trao đổi, giao dịch về tài sản, hàng hóa trên thị trường để góp phần ngăn ngừa hoạt động của “thị trường ngầm”, tạo ra môi trường kinh doanh minh bạch, lành mạnh, ngăn ngừa các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí qua giá; đề cao trách nhiệm thực hiện pháp luật của mọi người dân, mọi doanh nghiệp. Sự tăng trưởng về số lượng doanh nghiệp thẩm định giá và thẩm định viên về giá đáng kể trong những năm gần đây.

Hệ thống tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam hiện nay đã được ban hành tương đối đầy đủ với tổng số là 13 tiêu chuẩn thẩm định giá và tương đối phù hợp với các tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế của Hội đồng thẩm định giá quốc tế IVSC. Các tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam như về quy tắc đạo đức hành nghề thẩm định giá; về quy trình thẩm định giá, báo cáo kết quả thẩm định giá; về thẩm định giá bất động sản, tài sản vô hình, giá trị doanh nghiệp,...

***Đánh giá:*** Hệ thống pháp luật về thẩm định giá, Hệ thống Tiêu chuẩn thẩm định giá hiện hành của Việt Nam theo quy định của Luật giá hoàn toàn tuân thủ các quy định của WTO, phù hợp với các nguyên tắc thị trường và định hướng phát triển kinh tế thị trường dài hạn của Việt Nam.

1. **Về Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU**

Đối chiếu với nội dung các Điều khoản liên quan đến điều kiện cấp phép và thủ tục cấp phép trong Bản quy định trong nước thuộc lời văn về Thương mại dịch vụ, Đầu tư và Thương mại điện tử (Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU) cho thấy: Về cơ bản, các quy định hiện hành đối với việc cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá đã đáp ứng các yêu cầu về tính minh bạch, đơn giản, rõ ràng, công khai, khách quan, được ban hành và công bố rộng rãi, dễ tiếp cận như đề nghị của phía EU. Cụ thể:

Căn cứ các quy định của Điều 38 và 39 Luật Giá; Điều 13, 14, 15 và 16 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24/2/2021); và Điều 4 Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP;

Doanh nghiệp thẩm định giá được hoạt động khi Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá theo quy định của pháp luật. Chính phủ và Bộ Tài chính đã quy định cụ thể về các điều kiện, trình tự, thủ tục (hồ sơ, thời hạn, lệ phí) của cấp và cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá.

Riêng đối với các tổ chức thẩm định giá nước ngoài chỉ được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam nếu đáp ứng được các yêu cầu về góp vốn với doanh nghiệp thẩm định giá Việt Nam đế thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên, công ty cổ phần để kinh doanh dịch vụ TĐG tại Việt Nam (Điều 43 Luật Giá, Điều 21 và 22 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP). Lý do: Việt Nam không có cam kết quốc tế cụ thể trong lĩnh vực thẩm định giá, việc quy định như trên là cần thiết nhằm tăng cường quản lý Nhà nước đối với hoạt động thẩm định giá của các tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam; điều đó cũng phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật về thương mại dịch vụ và đầu tư. Ngoại trừ quy định về hình thức, phạm vi cung cấp dịch vụ thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam nói trên, các nội dung quy định về điều kiện thành lập, hoạt động và hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá không có sự phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam và doanh nghiệp thẩm định giá trong nước.

**3. Về Hiệp định thương mại CPTPP**

a) Điều 9.3: Quan hệ với các Chương khác

- Nội dung: *“2. Yêu cầu của một Bên về việc nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác phát hành bảo lãnh hoặc hình thức bảo đảm tài chính khác làm điều kiện cung cấp dịch vụ qua biên giới không tự nó tạo ra nghĩa vụ áp dụng Chương này đối với các biện pháp do Bên đó ban hành hoặc duy trì liên quan đến hoạt động cung cấp dịch vụ qua biên giới. Chương này áp dụng đối với các biện pháp được ban hành hoặc duy trì bởi Bên liên quan đến khoản bảo lãnh hoặc bảo đảm tài chính được phát hành, trong phạm vi khoản bảo lãnh hoặc bảo đảm tài chính đó là đầu tư theo Hiệp định này.”*

Cho phép Chính phủ ban hành quy định yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác phát hành bảo lãnh hoặc hình thức đảm bảo tài chính khác khi muốn cung cấp dịch vụ qua biên giới.

***Rà soát, đánh giá:*** Phù hợp cam kết vì Luật Giá và Nghị định số 89/2013/NĐ-CP về thẩm định giá không quy định nội dung về phát hành bảo lãnh hoặc hình thức đảm bảo tài chính khi muốn cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

b) Điều 9.4. Đối xử quốc gia, Chương 9. Đầu tư:

- Nội dung:

*“1. Mỗi Bên sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên khác đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho nhà đầu tư của mình, trong điều kiện tương tự, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, và bán hoặc định đoạt đầu tư theo cách khác trên lãnh thổ của mình.*

*2. Mỗi Bên sẽ dành cho bảo lãnh đầu tư theo Hiệp định này đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho đầu tư của nhà đầu tư của mình trên lãnh thổ nước mình, trong điều kiện tương tự, đối với việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, và bán hoặc định đoạt đầu tư theo cách khác.”*

Tương tự cam kết trong WTO: không phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư/khoản đầu tư của một bên với nhà đầu tư/khoản đầu tư trong nước.

***Rà soát, đánh giá:*** Nội dung về hình thức cung cấp dịch vụ thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam có quy định hạn chế hình thức góp vốn và số vốn góp của tổ chức nước ngoài đã được đưa vào bảo lưu tại Phụ lục I, Ngành: Dịch vụ kinh doanh; phân ngành: Định giá tài sản. Điều này đảm bảo Quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam phù hợp các cam kết của Hiệp định TPP. Vì: (i) Điều 38, 39 của Luật Giá quy định doanh nghiệp thẩm định giá được thành lập theo quy định của Luật doanh và quy định điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá. (ii) Điều 21 của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP quy định tổ chức nước ngoài chỉ được góp vốn thành lập Công ty TNHH hai thành viên trở lên và công ty cổ phần để kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam.

c) Điều 9.10: Yêu cầu thực hiện

- Nội dung: *“3. (a) không có quy định nào tại khoản 2 được hiểu là để ngăn cản một Bên đưa ra điều kiện về việc hưởng hay tiếp tục hưởng ưu đãi, đối với đầu tư của nhà đầu tư của một Bên hoặc của bên không phải là Bên ký kết Hiệp định trên lãnh thổ của mình, phải tuân thủ yêu cầu lựa chọn địa điểm sản xuất, cung cấp dịch vụ, đào tạo hay tuyển dụng lao động, xây dựng hay mở rộng cơ sở vật chất, hoặc tiến hành hoạt động nghiên cứu, phát triển trên lãnh thổ của mình.”*

Việt Nam được phép yêu cầu các nhà đầu tư phải tuân thủ yêu cầu lựa chọn địa điểm sản xuất, cung cấp dịch vụ, đào tạo hay tuyển dụng lao động, xây dựng hay mở rộng cơ sở vật chất, hoặc tiến hành hoạt động nghiên cứu, phát triển trên lãnh thổ của mình nếu muốn được hưởng ưu đãi hoặc tiếp tục được hưởng ưu đãi. Các yêu cầu này phải đảm bảo đáp ứng nghĩa vụ không phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài và giữa các nước khác nhau.

***Rà soát, đánh giá:*** Phù hợp cam kết vì Luật Giá và Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và Nghị định 21/2021/NĐ-CP về thẩm định giá không quy định nội dung này.

d) Điều 9.11: Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị

- Nội dung:

*“1. Không Bên nào được yêu cầu một doanh nghiệp của Bên đó là đầu tư theo Hiệp định này phải bổ nhiệm thể nhân có quốc tịch nhất định vào vị trí quản lý cấp cao.*

*2. Mỗi Bên có thể yêu cầu đa số nhân sự của hội đồng quản trị, hoặc bất kỳ ủy ban nào thuộc hội đồng quản trị của doanh nghiệp của Bên đó là đầu tư theo Hiệp định này có quốc tịch cụ thể, hoặc thường trú tại lãnh thổ của mình, với điều kiện yêu cầu đó không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng của nhà đầu tư thực hiện kiểm soát đầu tư của mình.”*

1. Việt Nam không được ban hành các quy định trong đó yêu cầu các nhân sự nắm giữ vị trí quản lý cấp cao phải có một quốc tịch nhất định (ví dụ như phải có quốc tịch Việt Nam)

2. Việt Nam có thể ban hành các quy định về tỷ lệ nhân sự của hội đồng quản trị hoặc ủy ban thuộc hội đồng quản trị của một doanh nghiệp có một quốc tịch nhất định hoặc phải thường trú tại Việt Nam với điều kiện quy định này không ảnh hưởng đáng kể đến khả năng của nhà đầu tư thực hiện kiểm soát đầu tư của mình.

***Rà soát, đánh giá:*** Phù hợp cam kết vì Luật Giá và Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và Nghị định 21/2021/NĐ-CP về thẩm định giá không quy định nội dung về nhân sự quản lý cấp cao, tỷ lệ nhân sự của hội đồng quản trị hoặc ủy ban thuộc hội đồng quản trị.

e) Điều 9.14: Thủ tục riêng biệt và Yêu cầu thông tin

- Nội dung: *“1. Không quy định nào tại Điều 9.4 (Đối xử Quốc gia) được hiểu là cản trở một Bên ban hành hoặc duy trì biện pháp tạo ra các thủ tục riêng biệt liên quan đến đầu tư theo Hiệp định này, như yêu cầu thường trú khi đăng ký hoặc yêu cầu đầu tư theo Hiệp định này được thành lập hợp pháp theo quy định pháp luật của Bên đó, với điều kiện những thủ tục đó không ảnh hưởng đáng kể đến việc bảo hộ mà một Bên dành cho nhà đầu tư của Bên khác và đầu tư theo Hiệp định phù hợp với Chương này.”*

Cho phép Chính phủ ban hành quy định nhà cung cấp dịch vụ của Bên khác đáp ứng yêu cầu thường trú khi đăng ký hoặc thành lập theo quy định của pháp luật trong nước.

***Rà soát, đánh giá:*** Có quy định hạn chế hình thức góp vốn và số vốn góp của tổ chức nước ngoài: Nội dung này đã được bảo lưu tại Phụ lục I. Vì:

Điều 21 Nghị định 89/2013/NĐ-CP quy định về hình thức cung cấp dịch vụ thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam như sau:

*1. Tổ chức thẩm định giá nước ngoài được thành lập, hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá hợp pháp tại nước sở tại thì được góp vốn với doanh nghiệp thẩm định giá Việt Nam để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần để kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam. Tỷ lệ vốn góp của tổ chức thẩm định giá nước ngoài và người đại diện của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tham gia góp vốn thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.*

*2. Điều kiện thành lập, hoạt động và hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá có tổ chức thẩm định giá nước ngoài góp vốn thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 39, Điều 43 của Luật giá và quy định của Nghị định này.*

*Điều 18. Thành viên là tổ chức của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thẩm định giá (Nghị định 89/2013/NĐ-CP)*

*1. Thành viên là tổ chức được góp tối đa 35% vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá hai thành, viên trở lên. Cổ đông sáng lập là tổ chức được góp tối đa 35% vốn điều lệ của công ty cổ phần thẩm định giá. Trường hợp có nhiều tổ chức góp vốn thì tổng số vốn góp của các tổ chức tối đa bằng 35% vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn thẩm định giá hai thành viên trở lên, công ty cổ phần thẩm định giá.*

*2. Người đại diện của thành viên là tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này phải là thẩm định viên về giá và phải đăng ký hành nghề tại doanh nghiệp thẩm định giá mà tổ chức tham gia góp vốn; đồng thời không được tham gia góp vốn vào doanh nghiệp thẩm định giá đó với tư cách cá nhân, không được là đại diện của tổ chức góp vốn thành lập doanh nghiệp thẩm định giá khác.*

g) Khoản 2 và khoản 6 Điều 10.8. Quy định trong nước, Chương 10. Dịch vụ xuyên biên giới: Nội dung về điều kiện thành lập doanh nghiệp thẩm định giá và tổ chức kỳ thi thẩm định viên về giá đảm bảo phù hợp cam kết của Hiệp định TPP.

h) Chương 10 của Hiệp định về Thương mại dịch vụ xuyên biên giới: Tại Phụ lục I của Hiệp định bảo lưu quy định về dịch vụ thẩm định giá theo quy định hiện hành của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP, trong đó bảo lưu quy định tổ chức nước ngoài chỉ được cung cấp dịch vụ thẩm định giá trường hợp phải là tổ chức được thành lập, hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại nước sở tại và cá nhân nước ngoài không được cung cấp dịch vụ thẩm định giá. Căn cứ nội dung tại Chương 10 quy định thương mại dịch vụ xuyên biên giới hay cung cấp dịch vụ xuyên biên giới không bao gồm việc cung cấp dịch vụ trong lãnh thổ của một Bên từ một khoản đầu tư, theo đó sẽ không có hình thức cung cấp dịch vụ qua biên giới đối với dịch vụ thẩm định giá.

i) Phụ lục I -Việt Nam - 36

- Nội dung:

*“Ngành: Dịch vụ kinh doanh*

*Phân ngành: Định giá tài sản*

*Nghĩa vụ liên quan:Đối xử quốc gia (Điều 9.4)*

*Cấp chính phủ: Quốc gia*

*Biện pháp: Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 6 tháng 8 năm 2013 hướng dẫn việc thực thi một số điều của Luật về Giá thẩm định giá*

*Mô tả: Đầu tư*

*Tổ chức nước ngoài không được cung cấp dịch vụ định giá tài sản ngoại trừ:*

*(a) trường hợp họ là tổ chức được thành lập, hoạt động cung cấp dịch vụ định giá hợp pháp tại nước sở tại, và*

*(b) thông qua hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần với doanh nghiệp Việt Nam.”*

Việt Nam bảo lưu quyền ban hành các quy định mang tính phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước. Tổ chức nước ngoài chỉ được cung cấp dịch vụ định giá tài sản ngoại nếu họ là tổ chức được thành lập, hoạt động cung cấp dịch vụ định giá hợp pháp tại nước sở tại, và phải hợp tác với doanh nghiệp VN để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần

Cá nhân nước ngoài không được cung cấp dịch vụ định giá tài sản.

Cá nhân nước ngoài không được cung cấp dịch vụ định giá tài sản.

***Rà soát, đánh giá:*** Phụ lục I phù hợp quy định hiện hành của Luật Giá và Nghị định 89/2013/NĐ-CP và Nghị định 21/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

**4. Danh mục bảo lưu của Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA)**

Dịch vụ thẩm định giá thuộc 03 mục cam kết nền/theo phân ngành cần rà soát:

1. Cam kết về Người quản lý doanh nghiệp:

- Loại nghĩa vụ bảo lưu: Đối xử quốc gia và Nhân sự Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị.

- Nội dung: Đối xử quốc gia và Nhân sự Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị sẽ không áp dụng đối với bất kỳ biện pháp nào liên quan đến tuyển dụng chuyên gia. Các hạn chế có thể được áp dụng đối với số lượng hay tỷ lệ, các mức lương tối thiểu, thời hạn và loại hình chuyên gia được tuyển dụng.

Các hạn chế này bao gồm nhưng không giới hạn ở: (i) Trong trường hợp người quản lý, nhân viên và chuyên gia, tối thiểu 20% tổng số người này phải là người mang quốc tịch Việt Nam. Tuy nhiên, trong một doanh nghiệp có thể cho phép tối thiểu 3 người quản lý, nhân viên và chuyên gia không phải là người mang quốc tịch Việt Nam. (ii) Đại diện pháp lý của một doanh nghiệp có thể thường trú tại Việt Nam theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2005.

b) Cam kết Cấp phép đầu tư, hình thức đầu tư, sở hữu cổ phần, thời hạn đầu tư, thủ tục đầu tư:

- Loại nghĩa vụ bảo lưu: Đối xử quốc gia, nhân sự Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị.

- Nội dung: Đối xử quốc gia và Nhân sự quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị sẽ không áp dụng đối với bất kỳ biện pháp nào liên quan tới việc thành lập, mua lại, tổ chức và hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc dự án có vốn đầu tư nước ngoài; bao gồm nhưng không giới hạn ở việc cấp giấy phép/giấy cho phép, hình thức pháp lý, sở hữu cổ phần, tổ chức, quản lý và thời hạn của khoản đầu tư.

Để minh họa, biện pháp này có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở: (i) Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư tại Việt Nam phải có dự án và thực thi các thủ tục đăng ký đầu tư hoặc thẩm tra đầu tư tại các cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư để được cấp giấy chứng nhận đầu tư. (ii) Về hình thức pháp lý, nhà đầu tư nước ngoài không được thành lập hợp tác xã.

- Về quản lý, báo cáo tài chính đối với nhà đầu tư tối đa của các dự án đầu tư nước ngoài là 50 năm.

c) Cam kết Đối xử quốc gia, nhân sự Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị:

- Loại nghĩa vụ bảo lưu: Đối xử quốc gia, nhân sự Quản lý cấp cao và Hội đồng quản trị.

- Nội dung: Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế xã hội theo từng thời kỳ và phù hợp với những nghĩa vụ tại các hiệp ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên, Chính phủ quy định danh mục các lĩnh vực đầu tư có điều kiện, và các điều kiện áp dụng đối với việc thành lập tổ chức kinh tế, hình thức đầu tư, và mở cửa thị trường trong một số lĩnh vực đối với nhà đầu tư nước ngoài.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đầu tư trong các lĩnh vực không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, nhưng trong quá trình hoạt động, lĩnh vực đầu tư được bổ sung vào Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư vấn được tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực đó vô điều kiện.

Vậy, đối với cam kết bảo lưu ngành, dịch vụ thẩm định giá là lĩnh vực ngành nghề cần được bổ sung vào danh mục bảo lưu do đã có Luật Giá, Luật Đầu tư và Nghị định số 89/2013/NĐ-CP, Nghị định số 12/2021/NĐ-CP quy định. Trong đó, loại nghĩa vụ bảo lưu là Đối xử quốc gia có quy định phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài (là tổ chức) về hình thức pháp lý thành lập doanh nghiệp. Về tỷ lệ góp vốn của thành viên là tổ chức không phân biệt nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư trong nước nên không cần đưa vào bảo lưu nghĩa vụ Đối xử quốc gia.

**5. Hiệp định Thương mại dịch vụ ASEAN (ATISA)**

- Tại Điều 9 (Hiện diện tại nước sở tại): Đề nghị quy định hiện hành trong lĩnh vực thẩm định giá về việc doanh nghiệp nước ngoài muốn cung cấp dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam được góp vốn với doanh nghiệp thẩm định giá Việt Nam để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần để kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam.

Lý do: Căn cứ khoản 1 Điều 21 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá (quy định về hình thức cung cấp dịch vụ thẩm định giá của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tại Việt Nam) quy định: “1. Tổ chức thẩm định giá nước ngoài được thành lập, hoạt động cung cấp dịch vụ thẩm định giá hợp pháp tại nước sở tại thì được góp vốn với doanh nghiệp thẩm định giá Việt Nam để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần để kinh doanh dịch vụ thẩm định giá tại Việt Nam. Tỷ lệ vốn góp của tổ chức thẩm định giá nước ngoài và người đại diện của tổ chức thẩm định giá nước ngoài tham gia góp vốn thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này”.

- Tại Điều 16 (Các quy định trong nước): Đề nghị bổ sung nội dung trong lĩnh vực thẩm định giá như sau:

\* Quy định về cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kinh doanh dịch vụ thẩm định giá:

+ Về hồ sơ xin cấp phép: Điều 14 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP quy định doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thẩm định giá phải nộp 01 bộ hồ sơ (Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận bản gốc, các tài liệu kèm theo chấp thuận bản sao công chứng, trừ cấp lại giấy thì phải nộp bản gốc đã được cấp lần kề trước).

+ Về yêu cầu trực tiếp đến nộp hồ sơ: Doanh nghiệp nộp qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ Tài chính.

+ Về khả năng chấp thuận đơn cấp phép dạng điện tử: Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Tài chính tại Thông báo số 131/TB-BTC ngày 07/3/2017, Cục Quản lý giá đang đăng ký triển khai Dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, dự kiến quý IV/2017 (doanh nghiệp khai báo, gửi trực tuyến các mẫu và vẫn phải nộp hồ sơ giấy khi đến nhận kết quả trực tiếp tại Cục Quản lý giá ).

+ Về phí cấp phép: Bù đắp chi phí quản lý.

\* Quy định về thi cấp thẻ thẩm định viên về giá và thi sát hạch đối với người có chứng chỉ hành nghề thẩm định giá của nước ngoài:

+ Về hồ sơ đăng ký dự thi và thi sát hạch: Điều 8 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá và Điều 5,6, 12, 13 Thông tư 46/2014/TT-BTC ngày 16/4/2014 của Bộ Tài chính quy định về việc thi, quản lý, cấp và thu hồi Thẻ thẩm định viên về giá đã quy định người đăng ký dự thi phải nộp 01 bộ hồ sơ (các mẫu đơn kê khai bản gốc, các văn bằng, chứng chỉ chấp thuận bản sao công chứng).

+ Về yêu cầu trực tiếp đến nộp hồ sơ: Người dự thi nộp trực tuyến hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tiếp tại Bộ Tài chính.

+ Về khả năng chấp thuận đơn cấp phép dạng điện tử: Hiện nay, Cục Quản lý giá đã triển khai Dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 bắt đầu từ kỳ thi thẻ thẩm định viên về giá tháng 8/2017 (người đăng ký dự thi khai báo, gửi trực tuyến các mẫu và vẫn phải nộp hồ sơ giấy khi đến nhận kết quả trực tiếp tại Cục Quản lý giá).

+ Về lệ phí dự thi: Bù đắp chi phí quản lý.

1. **Về kinh nghiệm tại một số quốc gia trên thế giới**

## ***Một số quốc gia ban hành những luật quản lý giá chung:***

Đến nay đã có nhiều quốc gia ban hành luật có nội dung điều chỉnh trong lĩnh vực giá như Trung Quốc ban hành Luật giá năm 1997; Thái Lan ban hành Đạo Luật cạnh tranh trong kinh doanh 1999; Hàn Quốc ban hành Luật Bình ổn giá cuối năm 1975; Austrailia ban hành Đạo Luật kiểm soát giá cả năm 1983; Malaysia ban hành Đạo luật kiểm soát giá cả năm 1946; Singapore ban hành Đạo luật Kiểm soát giá năm 1950. Một số đạo luật về giá chỉ thực hiện trong những thời điểm nhất định, tuy nhiên, đa số các đạo luật vẫn đang được thi hành cùng với những sửa đổi, bổ sung phù hợp trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

Các biện pháp quản lý giá thường được áp dụng tại các nước này bao gồm: định giá, hướng dẫn tính giá một số loại hàng hóa dịch vụ thiết yếu, quan trọng; thực hiện bình ổn giá như điều hòa cung cầu, kiểm soát yếu tố hình thành giá, thúc đẩy cạnh tranh, thông tin về giá; xử lý nghiêm những vi phạm pháp luật về giá; áp dụng chính sách lạm phát mục tiêu.

***1.1. Trung Quốc***

Hệ thống pháp luật về quản lý, điều hành giá tại Trung Quốc bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Luật giá của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ban hành ngày 29/12/1997 và chính thức có hiệu lực từ ngày 1/5/1998; Luật giá bao gồm 7 chương và 48 điều xác định mục tiêu xây dựng Luật với một tiêu chuẩn của hành vi giá để tăng cường vai trò của giá trong việc bố trí hợp lý các nguồn lực, ổn định mức giá chung của thị trường, bảo vệ các quyền lợi hợp pháp và lợi ích của người tiêu dùng và các nhà sản xuất kinh doanh và sau đó là thúc đẩy sự phát triển lành mạnh nền kinh tế thị trường xã hội. Trong đó, cụ thể quy định trong từng chương: về những nguyên tắc chung; hoạt động định giá của các doanh nghiệp, hoạt động định giá của Chính phủ, kiểm soát và điều chỉnh mặt bằng giá, kiểm soát và thanh tra giá, trách nhiệm pháp lý, một số quy định bổ sung

- Một số văn bản hướng dẫn luật bao gồm: Quy định tạm thời về xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm giá cả, Quy định về cấm hành vi thổi phồng giá cả, Các biện pháp thực thi liên quan đến xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm giá cả, Các thủ tục hành chính liên quan đến xử phạt hành vi vi phạm giá cả, Quy định về vấn đề trình báo đối với các hành vi vi phạm giá cả, Quy định về niêm yết giá cả,

Tại Trung Quốc hệ thống giá có 3 loại:

+ Giá do Chính phủ quy định: Nhà nước định giá trực tiếp đối với một số hàng hoá, dịch vụ quan trọng như giá điện, giá nước sạch, giá thuốc chữa bệnh cho người, giá xe buýt, giá gas tiêu dùng và gas công nghiệp…Đối với mặt hàng giá nước sạch, các cơ quan quản lý trung ương không quy định mức giá cụ thể mà để các tỉnh tự quy định khung giá.

+ Giá chỉ đạo của Chính phủ: Nhà nước đưa ra mức giá trung bình và cho phép doanh nghiệp điều chỉnh ở mức cụ thể theo tỷ lệ quy định. Đối với giá xăng dầu: doanh nghiệp được điều chỉnh 5-8% so với giá nhà nước quy định. Đối với mặt hàng nông sản như lúa mì, lúa gạo, Nhà nước quy định giá sàn. Về cơ bản, nhà nước không có chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp thu mua lương thực khi giá cả có sự biến động mà tập trung vào các chính sách khuyến khích và trợ cấp cho nông dân trồng lương thực.

+ Giá do thị trường tự điều tiết: hình thành dựa trên quan hệ cung cầu nhưng có sự giám sát của nhà nước. Giá do Chính phủ quy định và chỉ đạo hiện chỉ chiếm khoảng 5% tổng giá các hàng hoá dịch vụ cả nước, còn lại là giá do thị trường tự điều tiết.

Bình ổn giá cả thị trường là một mục tiêu quan trọng trong chính sách kinh tế vĩ mô của Trung Quốc. Nhà nước căn cứ vào nhu cầu phát triển của nền kinh tế và năng lực tiếp nhận của xã hội để điều chỉnh mục tiêu và khống chế tổng mức giá cả thị trường, đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, vận dụng các biện pháp tài chính, tiền tệ, đầu tư và xuất nhập khẩu để thực hiện. Chính phủ thành lập quỹ dự trữ hàng hoá quan trọng, quỹ bình ổn giá để điều tiết giá cả, ổn định thị trường; thiết lập cơ chế giám sát giá cả và tiến hành giám sát đối với sự biến động của giá cả hàng hoá, dịch vụ quan trọng như giá gas, giá điện, giá khí đốt tự nhiên. Còn đối với các loại hàng hoá khác hầu như đã vận động theo cơ chế giá thị trường.

Khi giá mua vào của thị trường lương thực và các nông sản phẩm quan trọng quá thấp thì Chính phủ có thể tiến hành bảo hộ giá cả trong quá trình thu mua, đồng thời áp dụng những biện pháp tương ứng để đảm bảo tính khả thi.

Khi giá của những hàng hoá và dịch vụ quan trọng tăng cao rõ rệt hoặc dự báo có thể tăng cao rõ rệt, Quốc Vụ Viện và Chính quyền nhân dân tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc Trung ương có thể áp dụng tỷ lệ giá chênh lệch hoặc tỷ lệ lợi nhuận hạn định đối với một bộ phận giá cả, quy định giá hạn định, thực hiện các biện pháp can thiệp như cơ chế thông báo tăng giá và cơ chế lập hồ sơ điều chỉnh giá. Chính quyền nhân dân tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc Trung ương khi áp dụng những biện pháp can thiệp như đã quy định ở trên phải trình báo Quốc Vụ Viện để lưu hồ sơ.

Trong trường hợp tổng mức giá cả thị trường biến động mạnh hay những tình huống bất thường khác, Quốc Vụ Viện có thể áp dụng biện pháp quy định giá tạm thời và đưa ra những giải pháp khẩn cấp đối với một bộ phận hoặc toàn bộ giá cả tại một địa điểm nhất định hoặc trên phạm vi cả nước. Sau khi giá cả bình ổn trở lại, những biện pháp can thiệp và những giải pháp khẩn cấp này phải được tháo dỡ kịp thời.

*1.2. Hàn Quốc*

Tại Hàn Quốc, giá cả của hầu hết hàng hóa, dịch vụ được quyết định bởi các lực lượng thị trường. Chính phủ Hàn Quốc chỉ quản lý trực tiếp giá một số hàng hóa và dịch vụ công cũng như điều tiết một số mặt hàng quan trọng, thiết yếu. Nhà nước thực hiện việc điều hành giá chủ yếu thông qua các chính sách pháp luật và biện pháp kinh tế vĩ mô (nhất là chính sách tiền tệ, thúc đẩy cạnh tranh). Cơ quan Chính phủ chịu trách nhiệm chính về chính sách giá là Bộ Tài chính và Chiến lược (Cục Chính sách kinh tế - Price Policy Division). Cơ quan này quy định và hướng dẫn chung về chính sách giá; tham gia vào hội đồng chính sách tiền tệ để tham vấn điều hành lạm phát. Bên cạnh đó, các Bộ ngành khác tham gia quản lý giá trong phạm vi chức năng và ngành hàng của mình (ví dụ: Bộ Đất đai - Giao thông và Hàng hải quản lý về giá vé tàu; Bộ Kinh tế và Tri thức quản lý giá điện và gas).

Trong hệ thống cơ chế chính sách, văn bản quy phạm pháp luật cao nhất về giá hiện nay là Luật bình ổn giá (Price stabilization Act). Luật này được ban hành nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng; góp phần vào sự bình ổn và nâng cao mức sống của người dân thông qua ổn định giá cả. Cùng với Luật bình ổn giá là các nghị định quy định đã được sửa đổi bổ sung, nhiều lần bởi Tổng thống Hàn Quốc qua các năm từ 1995 đến 2016 để đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế đất nước và định hướng phát triển nền kinh tế thị trường.

Theo quy định của Luật bình ổn giá, Bộ Tài chính và chiến lược được phép thành lập Ban Bình ổn giá – bộ phận chức năng có thẩm quyền quyết định các vấn đề liên quan đến bình ổn giá cả.

- Quy định về danh mục hàng hóa do Nhà nước định giá và quy trình tính giá: Theo quy định hiện hành của Hàn Quốc, Chính phủ quyết định giá 11 loại hàng hóa, dịch vụ công, bao gồm: điện, vé đường sắt, vé xe buýt nội thành, giá dịch vụ bưu chính viễn thông, dịch vụ cáp truyền hình, dịch vụ hàng không, nước, gas, vé xe buýt tốc hành...

Riêng đối với các sản phẩm nông nghiệp, Chính phủ không quy định giá mà chủ yếu bình ổn giá cả thông qua các biện pháp vĩ mô như điều chỉnh dự trữ (ổn định nguồn cung), trợ cấp thu nhập, tăng cường hiệu quả của công tác dự báo...Đặc biệt, giá mục tiêu (target price) áp dụng cho mặt hàng lương thực được xác lập; trường hợp giá thị trường xuống thấp hơn mức giá mục tiêu đó, nhà nước sẽ tiến hành các biện pháp trợ cấp thu nhập phù hợp cho nông dân; đồng thời, thực hiện mua vào để góp phần cân đối cung – cầu trên thị trường.

- Áp dụng giá trần: Chính phủ có thể quy định giá trần đối với những hàng hóa đặc biệt quan trọng, ví dụ tiền thuê bất động sản hoặc phí dịch vụ. Những mức giá trần này có thể được quy định cho mỗi khu vực, và mỗi giai đoạn marketing (tiếp thị) như là giai đoạn sản xuất, giai đoạn bán buôn và bán lẻ.

- Niêm yết giá: Bộ trưởng có thể ra lệnh niêm yết giá hàng hóa hoặc dịch vụ đối với những người liên quan đến hoạt động sản xuất, bán hàng hoặc kinh doanh các mặt hàng, hoặc những người tham gia kinh doanh cung cấp dịch vụ.

- Bình ổn giá: Trong trường hợp giá cả tăng cao hoặc khan hiếm hàng hóa, gây ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và nền kinh tế, Chính phủ có thể áp dụng các biện pháp điều hòa cung cầu khẩn cấp đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu, vận chuyển, dự trữ hàng hóa dịch vụ liên quan trong thời gian 5 tháng hoặc theo quy định cụ thể khác. Các biện pháp điều hòa cung cầu bao gồm:điều chỉnh kế hoạch sản xuất; tăng nguồn cung và phân phối hàng từ kho dự trữ; điều chỉnh xuất, nhập khẩu; vận chuyển, dự trữ; các biện pháp liên quan đến hệ thống marketing (đơn giản hóa quá trình marketing, cải thiện các phương tiện marketing).

Các biện pháp nói trên khi áp dụng phải có sự phê duyệt của Tổng thống Hàn Quốc.

- Quyết định về dịch vụ công cộng và phí: Bộ trưởng Bộ Tài chính và chiến lược sẽ được tham mưu khi có đề xuất về quyết định giá hoặc thay đổi giá liên quan tới phí dịch vụ công cộng. Khi đó, Bộ trưởng sẽ thành lập Hội đồng Tư vấn phí dịch vụ công cộng, để nghe tư vấn về mức phù hợp của tính toán chi phí, chi trả của người tiêu dùng, tác động đến nền kinh tế, v.v...

Nhìn chung, nền kinh tế Hàn Quốc nhất quán phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường; trong đó, nhà nước quản lý giá cả và điều hành lạm phát chủ yếu bằng các biện pháp kinh tế và chính sách vĩ mô. Trừ một số hàng hóa, dịch vụ công do Chính phủ quy định, giá các mặt hàng còn lại do thị trường quyết định. Các Pháp luật về giá ở Hàn Quốc khá tương đồng với các quy định của Luật giá Việt Nam hiện tại.

*1.3. Singapore:*

Luật quản lý giá của Singapore (Chương 244) quy định như sau:

a) Về cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý giá: Luật quy định Bộ trưởng bổ nhiệm Kiểm soát giá trưởng và Phó kiểm soát giá trưởng, các Trợ lý Kiểm soát giá. Nhằm mục đích điều hành, Kiểm soát giá trưởng, đến lượt mình, có thể bổ nhiệm Thanh tra trưởng về giá, các thanh tra viên về giá để hỗ trợ mình thực hiện công việc. Bộ trưởng cũng có thể bổ nhiệm các Ủy ban tư vấn để tư vấn Kiểm soát giá trưởng trong việc ra quyết định về giá hoặc kiểm soát các hàng hóa cụ thể.

b) Ấn định giá hàng hóa và dịch vụ: Luật này giao quyền cho Kiểm soát trưởng về giá để khi cần thiết ra lệnh đăng tải trên Công báo để ấn định giá hoặc phí tối đa đối với bất kỳ hàng hóa hoặc dịch vụ nào.

Kiểm soát giá trưởng, được sự đồng ý trước của Bộ trưởng, có thể ra lệnh công bố trên Công báo: Quyết định các hàng hóa bị kiểm soát; Cấm việc mua hoặc bán, hoặc nhập khẩu, hoặc xuất khẩu bất kỳ mặt hàng bị kiểm soát nào nhằm mục đích bán lại hoặc xuất khẩu; Cấm hoặc kiểm soát lưu thông của mặt hàng chịu kiểm soát giữa các vùng xác định…Ngay khi lệnh được công bố trên Công báo, số Công báo sẽ được đệ trình lên Quốc hội (cơ quan lập pháp của chính phủ) ngay sau khi phát hành.

c) Về hành vi vi phạm: Luật quy định những người bán hàng, người bán tài sản không chấp hành những lệnh trên sẽ bị coi là vi phạm phạm luật trong những tình huống sau: Bất kỳ người nào kinh doanh các hàng hóa quy định giá phải trưng bày (niêm yết) danh sách giá tối đa hiện tại của các mặt hàng quy định giá mà anh ta kinh doanh; Bất kỳ người nào bán các hàng hóa quy định giá hoặc thực hiện các dịch vụ tại mức giá vượt mức giá tối đa ấn định; Bất kỳ người nào thực hiện kinh doanh trong thời điểm những mặt hàng quy định giá thường được bán và từ chối bán những hàng hóa này với một số lượng hợp lý.

d) Kiểm tra, thanh tra giá: Kiểm soát trưởng về giá hoặc những người được Kiểm soát trưởng về giá ủy quyền được phép: Vào và khám xét bất kỳ nơi nào trong phạm vi kiểm soát của người buôn bán, nhà máy, người sản xuất… Kiểm tra bất kỳ sổ sách, tài khoản hoặc các tài liệu liên quan đến việc mua bán, kinh doanh của người buôn bán, nhà máy, người sản xuất…Yêu cầu bất kỳ người buôn bán, nhà máy, người sản xuất, đại lý ủy quyền, … cung cấp thông tin bằng lời nói hoặc văn bản liên quan tới việc buôn bán hoặc kinh doanh của mình; Yêu cầu bất kỳ người buôn bán, nhà máy, người sản xuất, đại lý ủy quyền… đưa ra hàng mẫu của những mặt hàng đang kinh doanh.

Thanh tra viên về giá, cảnh sát viên hoặc cán bộ hải quan nếu được Kiểm soát trưởng về giá ủy quyền bằng văn bản có thể: Bắt giữ mà không cần lệnh những người bị tình nghi là vi phạm Luật này. Thu giữ hàng hóa bị coi là cần giữ làm chứng cớ cấu thành tội danh. Bất kỳ ai cản trở những người được Luật này trao quyền thực hiện việc khám xét bất kì địa điểm nảo hoặc các sổ sách, tài khoản hoặc tài liệu khác… sẽ bị coi là có hành vi vi phạm pháp luật.

e) Xử lý vi phạm: Luật này quy định xử phạt trong trường hợp cấu thành tội danh như sau:

- Những người bao gồm cả giám đốc hoặc lãnh đạo công ty có hành vi vi phạm pháp luật theo Luật này sẽ phải chịu khoản phạt không quá 2.000 đô la, hoặc bị tù giam không quá 2 năm, hoặc chịu cả hai hình phạt trên; và trong trường hợp tái phạm thì mức phạt không quá 20.000 đô la, hoặc không quá 5 năm tù giam, hoặc cả hai hình phạt.

- Những tổ chức kinh doanh vi phạm Luật này sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc bị xử phạt một khoản không quá 10.000 đô la, và trong trường hợp tái phạm, khoản phạt sẽ không quá 20.000 đô la.

Bộ trưởng có thể đôi khi đưa ra các quy định để thực thi các điều khoản của Luật này như sau: Yêu cầu giữ sổ kế toán và các bản ghi dữ liệu liên quan tới bất kỳ vụ việc kinh doanh, buôn bán nào trong thời gian các mặt hàng bị quy định giá hoặc bị kiểm soát giá được đem bán; Quy định cách những sổ sách hoặc bản ghi này sẽ bị loại bỏ hoặc bảo quản; Quy định những hóa đơn cần cấp cho người mua bởi người bán các hàng hóa quy định giá hoặc kiểm soát giá; Quy định nhãn, dấu cần dán, gắn với hàng quy định giá hoặc kiểm soát giá, v.v…

f. Đạo luật kiểm soát giá của Singapore được ban hành vào năm 1950 để hạn chế trục lợi và đến thời điểm này vẫn được áp dụng. Trong lịch sử (tính từ năm 1950 đến 2017), đạo luật này được sử dụng 2 lần đó là vào năm 1973 để đối phó với việc mua gạo hoảng loạn liên quan đến cuộc khủng hoảng dầu mỏ quốc tế và năm 1990 do sự tập trung của thị trường thịt lợn.

Theo đó, đạo luật này đã được áp dụng rất hiệu quả. Và một lần nữa, đạo luật này đã được áp dụng một cách phù hợp, hiệu quả tại thời điểm tháng 2/2020, khi đại dịch Covid-19 xảy ra làm cho nhu cầu về mặt nạ phẫu thuật và các vật dụng y tế khác tăng cao. Một số nhà bán lẻ đã coi sự bùng phát là một cơ hội để kiếm lời. Bộ Thương mại và Công nghiệp (The Ministry of Trade and Industry – MTI) đã dựa theo thẩm quyền tại Đạo luật kiểm soát giá để yêu cầu một số nhà bán lẻ giải thích về cơ sở giá bán, chi phí và tỷ suất lợi nhuận đồng thời gửi thư tới cho các nhà bán lẻ để nhắc nhở sau những khiếu nại từ công chúng về mặt nạ được bán giá cao từ họ.

Tuy mặt hàng mặt nạ phẫu thuật không thuộc danh mục do Nhà nước kiểm soát giá, nhưng dựa và điều khoản cho phép yêu cầu giải thích khi có sự biến động bất thường về giá đã giúp cho việc kiểm soát giá mặt hàng này tại Singapore.

## ***Một số quốc gia chỉ ban hành chính sách quản lý giá riêng đối với mặt hàng cụ thể***

Đối với hầu hết các quốc gia khác, hệ thống pháp luật về giá sẽ được xây dựng đối với từng mặt hàng cụ thể; tùy thuộc vào nhu cầu quản lý giá các mặt hàng của các nước đó.

*2.1. Nhật Bản*

Tại Nhật Bản, giá cả hàng hóa, dịch vụ vận động theo cơ chế giá thị trường. Đối với một số ít giá hàng hóa Nhà nước quy định (điện, khí thiên nhiên – chủ yếu là LNG,...), nguyên tắc đầu tiên là bù đắp được các chi phí thực tế hợp lý phát sinh và mức lợi nhuận phù hợp; Nhật Bản không bù lỗ và doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các mặt hàng Nhà nước phê duyệt giá (điện, LNG), cơ cấu giá chủ yếu gồm hai thành phần chính: thành phần giá cố định và thành phần thay đổi do biến động giá nhiên liệu. Theo đó, thành phần giá cố định được Nhà nước (METI) phê duyệt trên cơ sở tổng chi phí sản xuất kinh doanh và lợi nhuận hợp lý (kết hợp tham khảo chi phí thực tế hợp lý các năm trước, dự kiến kế hoạch cung ứng – vận hành các năm tiếp theo và các yếu tố khác); thành phần giá thứ hai được tự động tính toán và cập nhật bằng hệ thống Fuel Cost Adjustment System. Cơ sở tính toán, hướng dẫn tính tổng chi phí thay đổi do mức giá thay đổi được hầu hết các doanh nghiệp công khai trên website.

Nhật Bản không có cơ chế hỗ trợ cho các đối tượng chính sách qua giá. Thay vào đó, quốc gia này thực hiện chính sách an sinh xã hội thông qua các quỹ phúc lợi; đồng thời, hỗ trợ người tiêu dùng bằng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá; công khai, minh bạch chính sách điều hành.

Tại Nhật Bản, cơ quan có thẩm quyền rà soát, phê duyệt giá điện là METI. Tương tự như Việt Nam, Bộ được giao chức năng quản lý nhà nước về giá điện có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định và phê duyệt. Tuy nhiên, thay vì xin ý kiến Bộ Tài chính, METI phải lấy ý kiến rộng rãi (tổ chức hội thảo, gửi văn bản xin ý kiến,...) về phương án giá điện. Mặt khác, METI có quyền phê duyệt mà không phải xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

Nếu như tại Việt Nam, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính chỉ thẩm định phương án giá điện của 01 đơn vị là EVN; giá điện sẽ áp dụng chung cho cả nước (united tariff), thì tại Nhật Bản, việc phê duyệt giá điện tại Nhật Bản được áp dụng cho từng Tổng công ty điện lực; mức điều chỉnh và thời gian điều chỉnh không nhất thiết phải bằng hoặc trùng nhau.

Nhật Bản không quy định giá bán xăng, dầu; giá các sản phẩm này do các yếu tố thị trường quyết định. Trong trường hợp khẩn cấp, Nhà nước có thể áp dụng những biện pháp nhất định theo quy định tại Luật Điều chỉnh cung cầu xăng dầu (Petrolium Supply and Demand Adjustment Act), Luật các biện pháp khẩn cấp để ổn định đời sống (Act on Emergency Measures for Stabilization of National Life).

*Giá thuốc tại Nhật Bản*: Ở Nhật Bản đã có một cuộc cải cách giá thuốc mới đáp ứng nhu cầu thực tế của người dân và thị trường thuốc tại Nhật. Giá của một loại thuốc theo toa tại Nhật Bản được Chính phủ xác định theo cách thống nhất bất kể là thuốc mới hay thuốc hiện có.

Khi một tổ chức y tế được ủy quyền hoặc nhà thuốc hoạt động theo chương trình bảo hiểm y tế đưa ra yêu cầu bảo hiểm, phí thuốc sẽ được tính dựa về giá quy định trong Tiêu chuẩn giá thuốc Bảo hiểm y tế quốc gia (NHI). Tiêu chuẩn giá thuốc NHI quy định số lượng thuốc có thể yêu cầu được sử dụng trong chăm sóc sức khỏe không được bảo hiểm và có chức năng như một bảng giá. Giá thuốc là giá chính thức cho Bảo hiểm y tế và là một mức thống nhất trên toàn quốc. Tại Nhật Bản, việc xác định giá thuốc này được gọi là việc niêm yết theo tiêu chuẩn định giá thuốc. Sau khi có sự chấp thuận sản xuất của một loại thuốc theo toa, giá thuốc kê đơn cho bệnh nhân của một đơn vị y tế được xác định trong 2 đến 3 tháng theo nguyên tắc 70% giá sẽ do Bảo hiểm y tế chịu còn 30% còn lại do bệnh nhân chịu. Sau khi thuốc xuất hiện trên thị trường, các cơ chế thị trường được sử dụng mà không phân biệt thuốc gốc và được điều chỉnh cứ sau 2 năm.

*2.2. Mỹ*

Tại Mỹ, giá các hàng hóa, dịch vụ hầu hết đã vận động theo cơ chế giá thị trường ngoại trừ một số mặt hàng như điện, giá khí đốt tự nhiên, xăng dầu,… vẫn có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước nhưng cũng đang dần dần được tự do hóa.

*Mặt hàng khí tự nhiên*: Trong giai đoạn đầu của ngành công nghiệp khí đốt của Mỹ, giá cả không được quy định. Điều này đã thay đổi với Đạo luật về khí đốt tự nhiên năm 1938 bắt đầu đưa ra quy định, đặc biệt là về giá gas. Bốn thập kỷ tiếp theo cho đến năm 1978 chứng kiến sự tăng trưởng lũy tiến của việc giám sát giá khí. Quyết định Phillips của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ năm 1954 dẫn đến một quy định về giá cả kéo dài đến năm 1978.

Tự do hóa đã thay đổi cấu trúc của ngành công nghiệp khí đốt của Mỹ. Trước đây, quy định mạnh được áp dụng đến các giai đoạn khác nhau, từ sản xuất đến truyền tải đến phân phối, và lâu dài hợp đồng giữa các nhà sản xuất, các công ty đường ống liên bang và các công ty phân phối.

Tự do hóa bắt đầu từ năm 1985 đã dẫn đến việc tạo ra thị trường gas bán buôn cạnh tranh và một loại hình công ty mới xuất hiện - nhà tiếp thị gas, đó là mối liên kết giữa các nhà sản xuất ở một bên và các công ty phân phối cũng như phần lớn người tiêu dùng ở phía bên kia. Tự do hóa tiếp thị gas và giá gas bán buôn thu hút nhiều công ty mới và tạo ra sự cạnh tranh giữa các công ty tiếp thị và khí đốt nhà sản xuất, làm tăng áp lực lên giá khí bán buôn. Hiện tại, giá gas được thiết lập theo số dư cung / cầu nhưng vẫn phụ thuộc vào sự phát triển của thị trường dầu mỏ.

*Mặt hàng điện*: Giá điện tại Mỹ đang được thực hiện trên mô hình kiểm soát độc quyền kết hợp với mô hình cạnh tranh trong điều tiết giá điện tại Mỹ.

* Cơ chế điều tiết giá điện tại Mỹ

Thị trường điện năng của Mỹ hiện nay được hình thành theo một cơ chế phức hợp với các quy định, luật lệ, công nghệ đan xen với 2 mô hình chủ yếu là Mô hình kiểm soát độc quyền (chính quyền một số bang quản lý các công ty cung cấp điện theo ngành dọc và điều tiết giá điện) và Mô hình cạnh tranh (các nhà sản xuất điện có thể tiếp cận với hạ tầng truyền tải điện và tự do tham gia vào thị trường bán buôn điện -> giá điện được hình thành theo cơ chế thị trường – thị trường điện cạnh tranh hiện cung cấp điện cho 2/3 khách hàng tại Mỹ)

* Cơ chế hình thành giá điện bán buôn và bán lẻ

+ Mức giá điện bán buôn được giám sát bởi Ủy ban Điều tiết Năng lượng Liên bang (FERC) trong đó quy định nguyên tắc hình thành mức giá bán buôn điện cho các giao dịch liên bang cần phải ở mức hợp lý và không có sự phân biệt đối xử không chính đáng. Trong một số trường hợp khi thị trường cạnh tranh không hoàn hảo, FERC có thể thẩm định phương án giá điện được xây dựng theo phương pháp thị trường theo đề nghị của đơn vị điện năng tại một địa điểm nhất định. Đồng thời, FERC có thể phê duyệt mức giá và điều kiện bán điện thông qua phương pháp chi phí nhưng chỉ áp dụng trong trường hợp đặc biệt do phương pháp chi phí ít thông dụng hơn phương án giá thị trường. Ngoài ra, FERC còn quản lý giá điện của 4 công ty tiếp thị điện liên bang (PMAs) vận hành hệ thống điện và tiếp thị, bán lượng điện được sản xuất từ các đập thủy điện sở hữu bởi chính quyền liên bang tại 33 bang.

+ Mức giá điện bán lẻ tại một số bang do Hội đồng dịch vụ công của bang hoặc các chính quyền địa phương phê duyệt trên cơ sở mức giá đăng kí của các công ty điện. Quy trình xét duyệt giá điện như sau: đơn vị bán điện đăng kí một mức giá thay đổi lên Hội đồng dịch vụ công, trên cơ sở đó Hội có thể chấp thuận, từ chối hoặc tổ chức một cuộc họp điều trần. Chính quyền cũng quy định giá điện nếu thay đổi trong phạm vi nhỏ sẽ được tự động áp dụng mà không cần phải có thẩm định của các nhà quản lý.

- *Tại một số bang của Mỹ có quy định chế tài mạnh đối với hành vi* ***nâng giá cơ hội*** *khi xảy ra thiên tai, thảm họa xảy ra và chính quyền ban bố tình trạng khẩn cấp.*

Tại Mỹ, khi thiên tai hoặc thảm họa ập tới, nếu người bán hàng lợi dụng nhu cầu tăng đột biến (thường đi cùng khan hiếm về nguồn hàng) và ra giá quá cao cho mặt hàng nhu yếu phẩm, sẽ bị coi là "nâng giá cơ hội". Hành vi tăng giá "vô lương tâm" từ 10% với hàng hóa là nhu yếu phẩm khi tình trạng khẩn cấp được tổng thống ban bố sẽ bị phạt tiền hoặc phạt tù.

Tại 34 trên tổng số 51 bang và đặc khu, hành vi nâng giá cơ hội khi chính quyền ban bố tình trạng khẩn cấp bị pháp luật coi là vi phạm Luật chống hành vi thương mại bất công hoặc lừa dối. Mức xử lý có thể là phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Mức giá "quá cao" hoặc "vô lương tâm" thường được xác định bằng cách so sánh mức giá trung bình tại vùng bị ảnh hưởng với mức giá trong khoảng thời gian nhất định trước khi tình trạng khẩn cấp được ban bố. Nếu giá hiện tại cao hơn 10-15% (một số bang có mức trần cao hơn), người bán sẽ bị coi là có hành vi nâng giá cơ hội.

Ví dụ, điều 50-6,106 của luật chung bang Kansas quy định người cung cấp "hàng hóa hoặc dịch vụ thiết yếu" với giá bán cao hơn 25% so với giá trước khi tình trạng khẩn cấp được ban bố có thể bị phạt 10.000 USD với mỗi lần vi phạm. Trong đó, "tình trạng khẩn cấp" được hiểu là khoảng thời gian được quyết định dựa trên công bố của tổng thống hoặc thống đốc bang khi có thảm họa hoặc thiên tai như bão, lốc xoáy, động đất, bạo loạn, hoặc các tình thế cực kỳ nguy hiểm khác. Mức phạt sẽ được tăng lên thành 20.000 USD nếu nạn nhân là người cao tuổi. Ngoài ra, hành vi rao bán nhu yếu phẩm với giá cao không cần phải đi kèm giao dịch thực tế mới bị coi là vi phạm.

Tại bang Florida, điều 501.160 thuộc Bộ quy định quản lý thương mại, kinh doanh, và đầu tư xác định "nhu yếu phẩm" là những mặt hàng như nước uống, thức ăn, hóa chất, xăng dầu, gỗ, chỗ ở... Người nào có hành vi bán nhu yếu phẩm với mức giá "vô lương tâm" (lớn hơn nhiều so với giá trung bình trong 30 ngày trước tình trạng khẩn cấp) có thể bị phạt 1.000 USD và 60 ngày tù giam. Nếu vi phạm nhiều lần trong một ngày, mức phạt tăng lên 25.000 USD.

Trong các bang có luật chống nâng giá cơ hội, Oklahoma và Louisiana là hai bang có mức phạt nặng nhất. Người vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự với mức phạt lên tới 10 năm tù, nếu hành vi nâng giá cơ hội gây hậu quả nghiêm trọng (như có người chết).

Tuy nhiên, không phải việc tăng giá nào cũng bị coi là nâng giá cơ hội. Nếu chủ hàng chứng minh được do chi phí đầu vào tăng, hoặc phải tính thêm chi phí trả cho nhân viên (như lương ngoài giờ, thuê thêm nhân viên, đảm bảo an ninh,...) và chi phí vận chuyển vì tình trạng khẩn cấp (ví dụ, hàng hóa phải được vận chuyển bằng trực thăng) thì sẽ được xem xét.

*2.3. Peru*

Giá mặt hàng nông sản: Một hệ thống phạm vi giá nông nghiệp (PRS) nhằm mục đích ổn định giá nội địa trong một nền kinh tế mở thông qua việc sử dụng thuế nhập khẩu thay đổi theo giá quốc tế đang được áp dụng tại Peru.

PRS cung cấp một cơ chế để chính phủ áp đặt một nghĩa vụ bổ sung để hỗ trợ nông dân trong nước. Nó bao gồm 45 sản phẩm nông nghiệp, được chia thành bốn loại chung: sữa, ngô vàng, gạo và đường. PRS hoạt động như sau:

- Trong mỗi danh mục, có một dòng thuế được chỉ định là sản phẩm đánh dấu và tất cả những sản phẩm khác được chỉ định là các sản phẩm liên kết với nhau.

- Giá sàn và trần được xác định cho từng sản phẩm đánh dấu trên cơ sở giá fob trung bình hàng tháng (cước vận chuyển trên tàu) trong 60 tháng qua trên thị trường tham chiếu quốc tế cho sản phẩm đánh dấu đó. Giá này đã được cập nhật nửa năm và chuyển đổi sang sàn và trần giá cif (chi phí, bảo hiểm và vận chuyển hàng hóa)

- Ngoài ra, giá tham chiếu được tính hai tuần một lần, phản ánh giá thị trường quốc tế trung bình cho sản phẩm.

- Giá tham chiếu sau đó được so sánh với giá sàn và giá trần để xác định liệu có nên đánh thuế bổ sung biến đổi hay không.

PRS của Peru đóng vai trò là một ví dụ điển hình của một quốc gia đang phát triển và Chính phủ sử dụng một công cụ để bảo vệ chống lại biến động giá không mong muốn gắn liền với tự do hóa thương mại nông nghiệp tăng lên. Bộ Kinh tế và Tài chính của Peru lưu ý rằng PRS nhằm bảo vệ cả người sản xuất và người tiêu dùng trong nước, thông qua việc thiết lập giá sàn và trần để tính thuế bổ sung thay đổi hoặc giảm thuế, khi cần thiết, để thực hiện các mục tiêu ổn định và cạnh tranh khác nhau của nó.

*2.4. Nauy*

Về cơ bản, Na Uy thực hiện theo cơ chế thị trường, các mặt hàng, dịch vụ đều được thị trường tự điều tiết và định giá theo quan hệ cung cầu. Tuy nhiên, nhà nước vẫn thực hiện điều chỉnh giá đối với một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, quan trọng như: y tế, nông nghiệp, ngư nghiệp, viễn thông, giáo dục, sách vở văn hóa, tài liệu chuyên ngành. Trách nhiệm về việc điều chỉnh giá, quyết định giá mỗi mặt hàng tại các Bộ chuyên ngành. Đối với các mặt hàng sản xuất, về cơ bản cơ chế quản lý giá tại Na Uy được thực hiện trên cơ sở Nhà nước kiểm soát nguồn cung và mức giá thu mua của người sản xuất. Đối với mức giá bán ra thị trường được điều tiết thông qua thuế và quan hệ cung cầu thị trường. Cụ thể đối với một số lĩnh vực như sau:

1. Trong lĩnh vực Y tế: Toàn bộ dịch vụ y tế, khám chữa bệnh tại các bệnh viên công tại Na Uy được miễn phí dành cho người dân, Bộ Y tế chỉ định giá đối với giá thuốc chữa bệnh được kê theo toa của bác sĩ. Giá cả của việc đến khám hoặc chữa bệnh của bác sĩ gia đình sẽ được thương lượng (hiệp thương giá) giữa Bộ Y tế, Hội đồng bác sĩ và chính quyền địa phương. Khi đã có sự thương lượng thì mức giá này sẽ được ấn định trong một văn bản quy phạm pháp luật. Từ trước đến nay, chưa bao giờ có tình huống các bên không thương lượng được mức giá này.
2. Giá dịch vụ giáo dục: Việc học tại các trường công, giáo dục phổ thông tại Na Uy là miễn phí cho tất cả các công dân Na Uy. Chỉ có các trường đại học tư nhân mới thu học phí và đưa ra mức giá theo sự ấn định của các trường đó.

Nhà nước chỉ quy định mức giá tối đa đối với dịch vụ giáo dục mầm non, nhà trẻ. Cả nhà trẻ công và tư nhân đều được nhận trợ cấp của nhà nước nên nhà nước quy định mức giá tối đa được thu tại tất cả các cơ sở. Mức giá tối đa này cũng sẽ được xem xét, điều chỉnh thông qua mức gia tăng lạm phát (chỉ số giá tiêu dùng) hàng năm. Mức trợ cấp của nhà nước được trích từ ngân sách hàng năm cho tất cả các đơn vị công hoặc tư và do Bộ Giáo dục trình Quốc hội ấn định.

1. Trong lĩnh vực dầu mỏ và năng lượng:

- Dầu mỏ và gas chiếm tỉ trọng lớn nhất trong xuất khẩu của Na Uy, hiện nay, ngành này chiếm trên 50% tổng giá trị xuất khẩu của Na Uy. Nhà nước kiểm soát các nguồn tài nguyên dầu mỏ trên cơ sở sở hữu nhà nước với các công ty khai thác chính tại các giếng dầu Na Uy. Đồng thời, Chính phủ Na Uy đưa các khoản thu (từ thuế, cổ tức, cấp phép, bán hàng) đối với mặt hàng dầu mỏ vào “Quỹ tài sản quốc gia”. Quỹ này nhằm mục đích hỗ trợ cho phúc lợi xã hội, quỹ hưu trí, các chương trình giáo dục, đầu tư cơ sở hạ tầng và được phát triển thêm bằng các nguồn thu từ dầu mỏ hàng năm và đầu tư vào các thị trường tài chính phát triển bên ngoài Na Uy.

Tuy nhiên, đối với giá xăng dầu thành phẩm trong nước, Na Uy không thực hiện bất kì biện pháp trợ giá, bình ổn giá nào.

Đối với ngành điện, Nhà nước làm chủ các công ty điện lực và truyền tải điện. Giá điện do Cục Điện lực ấn định và Nhà nước cũng đưa ra các chính sách để giá điện ổn định trong một thời gian dài.

1. Đối với giá sữa: Giá sữa được bán trên thị trường cơ bản theo quy luật cung cầu thị trường; Nhà nước chỉ thực hiện quản lý giá sữa thông qua việc quản lý nguồn cung sữa. Giá thu mua sữa của người nông dân sẽ được ấn định hàng năm dựa trên cơ sở hiệp thương giữa Bộ nông nghiệp và Hội nông dân.

Các sản phẩm nông nghiệp khác: Giá cả các sản phẩm nông nghiệp khác khi thu mua từ người nông dân cũng cơ bản được ấn định thông qua thỏa thuận giữa các người mua, Sở nông nghiệp trên cơ sở điều tiết thị trường về sản xuất. Còn giá bán ra thị trường đến tay người tiêu dùng sẽ theo quy luật cung cầu thị trường.

*2.5. Braxin*

a) Giá bán lẻ xăng dầu ở Braxin thực hiện theo cơ chế thị trường và được quyết định bởi nhà sản xuất, phân phối và bán lẻ, trong cơ cấu giá sẽ có thuế bang và liên bang.

Chính phủ không can thiệp vào quá trình hình thành giá, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu tự xây dựng giá bán của mình. Chính phủ chỉ tham gia vào việc đảm bảo môi trường minh bạch và cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Văn phòng Quốc gia về Dầu, khí gas (ANP) giám sát việc liên kết, thao túng thị trường, giám sát yếu tố ảnh hưởng đến giá từ sản xuất đến người tiêu dùng.

Tuy nhiên, Braxin vẫn duy trì cơ chế bình ổn giá xăng thông qua Hội đồng Quản trị (có sự tham gia của Chính phủ) tại doanh nghiệp Nhà nước (Petrobras). Theo đó, Petrobras theo dõi biến động giá xăng dầu trong nước và thế giới hàng ngày nhằm duy trì mức giá ổn định giá bán xăng mặc dù giá nhập khẩu biến động. Đồng thời, hàng tháng, Hội đồng quản trị họp để xem xét việc điều chỉnh giá để phù hợp với tình hình kinh tế.

Bên cạnh đó, Chính phủ còn sử dụng một số biện pháp gián tiếp khác để điều tiết giá như: Quy định % Ethanol trong xăng (hiện nay là 25%); Điều chỉnh mức thuế Bang và liên Bang; Sử dụng kho dự trữ nhiên liệu. Công bố giá bình quân nhiên liệu theo ngày trên trang điện tử của Bộ Mỏ và Năng lượng là cơ quan hoạch định chính sách đối với các vấn đề liên quan đến Dầu mỏ, Khí gas và Văn phòng Quốc gia về Dầu, khí gas (ANP) chịu trách nhiệm triển khai, giám sát các chính sách này.

b) Đối với mặt hàng điện, Tại Brazil xuất hiện hiện tượng độc quyền tự nhiên trong truyền tải và phân phối điện. Tuy nhiên cũng có sự cạnh tranh nhất định trong giá điện khi Chính phủ xây dựng các đường truyền tải mới (cho phép các doanh nghiệp tư nhân tham gia). Thị trường điện được chia làm 02 mảng thị trường : Thị trường được điều tiết-ACR (chiếm 75% nhu cầu điện) và thị trường tự do-ACL (chiếm 25% thị phần). Thị trường có điều tiết tập trung các nhà phân phối điện và người tiêu thụ điện cố định (Hợp đồng dài hạn). Đối với thị trường tự do có sự tham gia các doanh nghiệp tư nhân cũng như các doanh nghiệp nhà nước. Tại thị trường này, người mua và bán ký hợp đồng ngắn hạn, giá do 02 bên tự đàm phán. Văn phòng quốc gia về Năng lượng Điện (ANEEL) là cơ quan chịu trách nhiệm chính về điều tiết, đảm bảo chất lượng điện cũng như quy định giá cuối cùng cho người tiêu dùng

Năm 2003, Chính phủ Brazil tiến hành cải cách mô hình mới trong lĩnh vực điện. Mô hình này phải đảm bảo các yếu tố: Bình ổn về giá điện; Đảm bảo an ninh năng lượng điện; Hoạch định, nghiên cứu thị trường; Hợp đồng dài hạn đã ký; Điều tiết thị trường.

Sau đó, Chính phủ sẽ thực hiện đấu thầu Điện (đấu thầu nguồn điện có sẵn, nguồn năng lượng mới, thay thế..). Bộ Mỏ và Năng lượng đưa ra quy định về đấu thầu (quy định về nguồn điện) và ANEEL cũng tham gia vào quá trình này. Các doanh nghiệp tham gia đấu thầu sẽ gửi đề xuất lên Bộ Mỏ và Năng lượng để xem xét. Thông qua đấu thầu nhằm đảm bảo cạnh tranh để đạt mức giá tối ưu nhất cho người tiêu dùng (chiếm 75% thị phần). Ngoài ra, người tiêu dùng cũng có thể tiếp cận với giá điện tốt nhất thông qua hợp đồng ngắn hạn tại thị trường tự do.

Cơ cấu giá điện gồm 02 phần: Phần chi phí A là chi phí cố định và Phần chi phí B là chi phí biến đổi của doanh nghiệp, chi phí này bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình phân phối. ANEEL chỉ căn cứ vào phần chi phí trong trong quá trình phân phối để xem xét điều chỉnh giá. Trong trường hợp các yếu tố chi phí cấu thành nên Phần B giảm thì ANEEL có thế yêu cầu doanh nghiệp điều chỉnh giảm giá điện. Sau 4 năm, ANEEL có thể xem xét để điều chỉnh Phần chi phí B để điều chỉnh giá điện (lạm phát, mất giá đồng tiền...). Bên cạnh việc xem xét điều chỉnh Phần chi phí B, ANEEL còn đánh giá các nhà phân phối điện đang thực hiện có hiệu quả không.

Quỹ phát triển năng lượng (CDE): Đây là Quỹ của Chính phủ hỗ trợ giá điện trực tiếp cho các hộ nông nghiệp, năng lượng tái sinh và người có thu nhập thấp; nghiên cứu khoa học; cung cấp nguồn lực để duy trì hoạt động của các Văn phòng Quốc gia ANEEL,... Nguồn Quỹ CDE được hình thành từ: (i) nguồn ngân sách nhà nước, (ii) thu từ giá điện và (iii) nguồn từ việc thu tiền phạt của ANEEL (tuy nhiên nguồn này rất nhỏ, không đáng kể).

c) Đối với dịch vụ khám chữa bệnh, Braxin thực hiện phổ cập y tế, rất nhiều bệnh viện công được mở ra. Chi phí hoạt động của các bệnh viện này lấy từ nguồn ngân sách. Người dân được miễn phí các dịch vụ của bệnh viện. Song song với việc phổ cập y tế, Chính phủ xây dựng 02 hệ thống phụ trợ đó là hệ thống y tế phụ trợ và hệ thống bảo hiểm y tế nhằm hỗ trợ việc phát triển không đồng đều của hệ thống y tế. Về vấn đề bảo hiểm, Chính phủ tập trung kiểm soát giá bảo hiểm cá nhân, tránh liên kết độc quyền.

*2.6. Niu di-lân*

Sau một thời gian thực hiện việc kiểm soát giá, để đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, giải phóng sức sản xuất do hạn chế của việc kiểm soát giá gây ra, Chính phủ Niu di-lân đã xóa bỏ Luật kiểm soát giá và cho đến hiện nay việc quản lý giá của Chính phủ vẫn được duy trì một phần ở các mức độ khác nhau tại các luật chuyên ngành và chủ yếu sử dụng pháp luật về cạnh tranh. Hiện nay, Niu di-lân thực hiện cơ chế giá thị trường, Nhà nước chỉ kiểm soát một số giá như: điện, khí đốt, viễn thông, các dịch vụ lớn ở sân bay; các loại thuốc thiết yếu mua theo đơn bác sĩ, thuốc trợ cấp của Nhà nước. Đối với sản phẩm nông nghiệp, chỉ quản lý giá sữa nguyên liệu đối với khối lượng 5% tổng sản lượng khi công ty cung ứng bán cho các nhà máy chế biến… Đồng thời, Chính phủ có các văn bản hướng dẫn quy trình xác định giá, phương pháp tính giá cho các doanh nghiệp. Tất cả các doanh nghiệp và người kinh doanh đều phải công khai mức giá của mình bằng cách này hay cách khác (chủ yếu là thực hiện niêm yết giá). Năm 1996, Niu di-lân ban hành các luật chuyên ngành để điều tiết và kiểm soát giá đối với một số hàng hoá, dịch vụ do Chính phủ định giá, cụ thể: Luật Bưu chính, viễn thông; Luật điện; Luật Khí đốt. Các cơ quan tham gia vào việc điều tiết giá, cạnh tranh là Bộ Phát triển kinh tế, Bộ Thương mại, Uỷ ban Thương mại, Toà án tối cao (cơ quan độc lập với Chính phủ) là cơ quan phán xét các hành vi vi phạm về giá, cạnh tranh; xử lý khiếu nại khi các đối tượng bị xử lý không đồng ý với xử lý của Uỷ ban thương mại.

Như vậy, với cơ chế kinh tế thị trường hiện nay mà Niu di-lân theo đuổi là không có cơ quan điều tiết, kiểm soát giá cả độc lập; việc điều tiết, kiểm soát giá cả do các Bộ chuyên ngành đảm nhiệm theo các quy định của pháp luật thương mại và pháp luật chuyên ngành. Ở Niu di-lân có Bộ Người tiêu dùng; Bộ này có chức năng bảo vệ người tiêu dùng.

**Điển hình như cơ chế giá điện:** Giá điện do Ủy ban điện lực và Ủy ban thương mại điều tiết thống nhất trong cả nước đối với giá truyền tải điện, giá phân phối còn giá phát điện và giá bán lẻ là giá cạnh tranh. Cả nước tổ chức một công ty truyền tải điện thuộc sở hữu nhà nước hoạt động theo hợp đồng với Ủy ban điện lực, 29 doanh nghiệp phân phối chịu sự điều tiết của Ủy ban điện lực và Ủy ban thương mại. Do chỉ có một công ty truyền tải nên cân bằng được giữa vùng gần, vùng xa. Điện ở Niu di-lân có cơ cấu nguồn gồm 60% là thủy điện, còn lại là nguồn khác (trong đó khí là chính). Do có cạnh tranh nên giá bán lẻ điện có khác nhau, giá có quy định theo giờ cao điểm và giờ thấp điểm, nhưng không quy định theo hình thức giá lũy tiến. Đối với mức giá Nhà nước kiểm soát: Nhà nước quy định giá khởi điểm trong vòng 5 năm và quy định tỷ lệ thay đổi giá trong 5 năm đó; doanh nghiệp căn cứ vào đó để quy định giá bán lẻ cho người tiêu dùng.

1. **Bài học rút ra từ kinh nghiệm một số nước**
   1. Qua tìm hiểu những kinh nghiệm quốc tế cho thấy trong bối cảnh của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế mạnh mẽ như hiện nay, các nước đều trong xu hướng tự do hóa giá cả, theo đuổi mô hình kinh tế thị trường; cùng với đó việc kiểm soát, quản lý giá của Chính phủ cũng được thay đổi theo hướng giảm dần sự can thiệp trực tiếp của nhà nước trong cơ chế kinh tế thị trường mà chuyển sang các hình thức gián tiếp hơn bằng các công cụ tài chính, cạnh tranh, thuế,…Tuy nhiên, cho đến hiện nay, thực tế cho thấy một tất yếu là dù là quốc gia nào với chế độ chính trị khác nhau, chiến lược phát triển kinh tế khác nhau thì đều hướng tới việc thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý nhà nước về giá ở các mức độ khác nhau bởi cần khắc phục các khuyết tật của cơ chế thị trường (như độc quyền tự nhiên, công ích) và sự khác nhau này được tạo bởi điều kiện hạ tầng kinh tế-chính trị-xã hội của mỗi quốc gia là khác nhau nên sẽ phải lựa chọn chính sách quản lý giá đảm bảo phù hợp với mục tiêu phát triển quốc gia trên nhiều khía cạnh. Bên cạnh đó, việc nhà nước quản lý, bình ổn giá cũng được quy định trong các trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh…dẫn đến khủng hoảng, bất ổn giá cả thị trường gây mất trật tự an toàn, an sinh xã hội.

Khi các nước theo đuổi mô hình nền kinh tế thị trường thì khi xây dựng chính sách về quản lý giá đều có sự đánh giá và lựa chọn quản lý giá tập trung theo đặc tính mặt hàng như mặt hàng dễ phát sinh tính chất độc quyền hoặc ảnh hưởng lớn đến anh ninh quốc gia, kinh tế vĩ mô (điện, xăng dầu, nước) hoặc mặt hàng có tính chất công ích hoặc không hấp dẫn các nhà đầu tư nên Chính phủ phải tham gia vào bằng nhiều chính sách trong đó có chính sách giá (bao gồm cả sử dụng các quỹ tài chính) để đảm bảo mục tiêu an sinh xã hội (như dịch vụ khám bệnh chữa bệnh, dịch vụ giáo dục). Nguyên tắc quản lý giá của các nước đều là tôn trọng quyền tự định giá của các tổ chức, cá nhân; đồng thời tùy vào từng đối tượng sử dụng hàng hóa, dịch vụ, Chính phủ sẽ có thể đưa ra các chính sách can thiệp về giá khác nhau, nhưng trọng tâm vẫn là có sự hỗ trợ, can thiệp về giá của Chính phủ đối với các đối tượng dễ bị tổn thương về an sinh xã hội hoặc nơi vùng sâu vùng xa. Ví dụ như dịch vụ giáo dục cho mầm non, dịch vụ y tế cho người nghèo,…

* 1. Luật quản lý giá ở Việt Nam và các nước nhìn chung không có những khác biệt lớn đối với những mặt hàng do Nhà nước quản lý, điều tiết. Điển hình như Trung Quốc với đặc điểm kinh tế tương đồng như Việt Nam đã có những bước tiến giảm đáng kể trong việc kiểm soát giá tuy vẫn giữ các Bộ Luật về quản lý giá và Chính phủ vẫn quản lý giá các mặt hàng như khí đốt, xăng dầu.

Kinh nghiệm từ quản lý giá tại Hàn Quốc đã thể hiện nhu cầu phải có Hội đồng có thẩm quyền lớn để quy định những phương hướng và chỉ dẫn đối với công tác bình ổn giá.

Tuy Nhật Bản không có cơ chế hỗ trợ cho các đối tượng chính sách qua giá, chúng ta có thể học hỏi về việc thực hiện chính sách an sinh xã hội thông qua các quỹ phúc lợi của quốc gia này để hỗ trợ giá cho người tiêu dùng; đồng thời cần phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về giá; công khai, minh bạch chính sách điều hành.

Trong công tác quản lý giá điện ở Việt Nam có thể học hỏi mô hình điều tiết giá điện tại Mỹ đang được kết hợp giữa mô hình kiểm soát độc quyền với mô hình cạnh tranh. Có thể áp dụng những biện pháp để kiểm soát nguồn cung, quy hoạch diện tích nuôi trồng, quản lý giá sữa,… của Na Uy, đảm bảo giữ giá ở mức có lợi nhuận cho người dân.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 biến động phức tạp, nhu cầu một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, thuốc, vật tư y tế có thể tăng cao trong giai đoạn bùng phát dịch đẩy giá cả hàng hóa những mặt hàng này tăng cao nếu nguồn cung không đáp ứng kịp thời, đặc biệt trong thời gian giãn cách xã hội. Những kinh nghiệm của Mỹ và Singapore về xây dựng chế tài đối với hành vi nâng giá cơ hội, lợi dụng nhu cầu tăng đột biến và tình trạng khan hiếm tạm thời về nguồn hàng để tăng giá trục lợi có thể được nghiên cứu xem xét hoàn thiện cơ chế bình ổn giá trong thời kỳ dịch bệnh.